

Bản án số: 140/2020/DS-ST

Ngày: 25/12/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đoàn Thành Nam

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hoàng Trung

Bà Nguyễn Thị Chấn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Q Hồng Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:** Ông Lưu Văn A - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 03 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2020/QĐXX-ST ngày 20 tháng 11 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 159/2020/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP D (Tên viết tắt: Ngân hàng NCB)

Địa chỉ trụ sở: Số 28C-28D phố T, phường B, Quận E, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến C - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thiệu Ánh Q - Chức vụ: Giám đốc trung tâm xử lý nợ. (Theo giấy ủy quyền số 23/2020/UQ-CTHĐQT ngày 05/5/2020).

Người nhận ủy quyền lại: Bà Ngô Thị M - Sinh năm 1990; Chức vụ: Chuyên xử lý nợ; Ông Tạ Quang Anh - Chức vụ: Chuyên xử lý nợ; (Theo giấy ủy quyền số 374b/2020/UQ - NCB ngày 20/8/2020)

(Bà M có mặt tại phiên tòa, ông Quang Anh vắng mặt tại phiên tòa)

**Bị đơn:** 1. Ông Nguyễn Văn E - Sinh năm 1981

2. Bà Lê Thị Thu W - Sinh năm 1985

Cùng ĐKKHKT: Thôn Y, xã N, huyện L, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Thu W: Ông Nguyễn Văn E - Sinh năm 1985; ĐKKHKT: Thôn Y, xã N, huyện L, thành phố Hà Nội. (Theo giấy ủy quyền ngày 13/3/2020)

(Ông E, bà W vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 10/9/2020 và các lời khai tại trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - Ngân hàng TMCP D trình bày:*

Về việc ký kết hợp đồng tín dụng: Ông Nguyễn Văn E và bà Lê Thị Thu W đã ký Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 021/17/HĐCV/9341 ký ngày 24/07/2017 với Ngân hàng TMCP D (NCB) – Chi nhánh Hà Nội. Số tiền vay: **280.000.000 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm tám mươi triệu đồng) với mục đích vay mua xe ô tô. Thời hạn vay 72 tháng và thời hạn trả nợ cuối là ngày 24/7/2023. Để đảm bảo khoản vay trên ông E, bà W ký hợp đồng thế chấp ô tô số 021/17/HĐTC/9341 ngày 24/07/2017 và Phụ lục bổ sung HĐTC ô tô ngày 25/07/2017 với Ngân hàng TMCP D – Chi nhánh Hà Nội để thế chấp tài sản bảo đảm cho khoản vay là: 01 xe ô tô con nhãn hiệu Cheverolet Spark; Số chỗ: 05 chỗ; màu sơn: trắng, sản xuất tại Việt Nam năm 2017; Số khung: **RLLMF48DJHH945824**; Số máy: **B12D1Z1170666HLSX0096**; BKS: **30E-754.20**; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 324394 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 17/7/2017; Tên chủ xe: Nguyễn Văn E; Giá trị tài sản bảo đảm thời điểm vay: 359.000.000 VNĐ.(Đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Ông Nguyễn Văn E và bà Lê Thị Thu W đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ. Ngân hàng NCB đã nhiều lần thông báo yêu cầu ông Nguyễn Văn E và bà Lê Thị Thu W phải trả nợ và bàn giao tài sản bảo đảm cho Ngân hàng NCB xử lý theo đúng quy định nhưng đều nhận được sự bất hợp tác từ phía ông E, bà W. Đến ngày 25/3/2019 ông E và bà W vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng. Số nợ gốc là 217.803.295 đồng. Hiện tại, ông Nguyễn Văn E và bà Lê Thị Thu W không có động thái trả nợ, không hợp tác và không bàn giao tài sản cho phía Ngân hàng NCB mặc dù phía Ngân hàng NCB nhiều lần nhắc nhở, thông báo.

Dư nợ tạm tính của ông Nguyễn Văn E và bà Lê Thị Thu W đến ngày 25/12/2020 như sau: Gốc 217.803.295 đồng; Lãi trên dư nợ gốc: 57.493.148 đồng; Lãi chậm trả lãi: 5.751.275 đồng; Lãi trên dư nợ gốc quá hạn: 5.178.197; Tổng cộng: 286.225.915 đồng.

**Từ những nội dung đã trình bày trên, Ngân hàng TMCP D yêu cầu:**

Buộc ông Nguyễn Văn E và bà Lê Thị Thu W thanh toán cho Ngân hàng NCB tạm tính đến ngày 25/12/2020 số tiền: Gốc 217.803.295 đồng; Lãi trên dư nợ gốc: 57.493.148 đồng; Lãi chậm trả lãi: 5.751.275 đồng; Lãi trên dư nợ gốc quá hạn: 5.178.197; Tổng cộng: 286.225.915 đồng và các khoản lãi phát sinh

theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 021/17/HĐCV/9341 ký ngày 24/07/2017 kể từ ngày 26/12/2020 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

Kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực thi hành, nếu ông Nguyễn Văn E và bà Lê Thị Thu W không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng NCB có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của các khoản vay nói trên để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng NCB, tài sản bảo đảm cho khoản vay là: 01 xe ô tô con nhãn hiệu Cheverolet Spark; Số chỗ: 05 chỗ, màu sơn: trắng, sản xuất tại Việt Nam năm 2017; Số khung: **RLLMF48DJHH945824**; Số máy: **B12D1Z1170666HLSX0096**; BKS: **30E-754.20**; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 324394 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 17/7/2017; Tên chủ xe: Nguyễn Văn E. Trường hợp số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản nêu trên vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng NCB thì ông Nguyễn Văn E và bà Lê Thị Thu W vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng NCB đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Ông Nguyễn Văn E và bà Lê Thị Thu W phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Bị đơn ông Nguyễn Văn E và bà Lê Thị Thu W có lời trình bày tại bản tự khai ngày 13/3/2020 với nội dung:* ông Nguyễn Văn E và bà Lê Thị Thu W có vay nợ Ngân hàng TMCP D số tiền 280.000.000 đồng để mua ô tô kinh doanh. Nhưng do làm ăn thua lỗ nên ông E, bà W không thanh toán được và hiện nay ông E, bà W mong muốn trả nợ dần cho Ngân hàng TMCP D mỗi tháng là 05 triệu đồng. Tòa án tiếp tục tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ ông E đến Tòa án để tham gia các buổi làm việc của Tòa án nhưng ông E nhiều lần vắng mặt không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và đường lối giải quyết vụ án: Về tố tụng: - Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi HĐXX vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật đúng; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đảm bảo đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng. Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án vắng mặt tại phiên tòa và các buổi làm việc của tòa án, không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng tW mại cổ phần D về toàn bộ nợ gốc và nợ lãi phát sinh từ hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 021/17/HĐCV/9341 ký ngày

24/07/2017 được ký giữa Ngân hàng TMCP D - Chi nhánh Hà Nội với ông Nguyễn Văn E, bà Lê Thị Thu W. Buộc ông Nguyễn Văn E và bà Lê Thị Thu W phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP D theo Hợp đồng cho vay kiêm kê ước nhận nợ số 021/17/HĐCV/9341 ngày 24/7/2017 tạm tính đến ngày 25/12/2020 là: Nợ gốc 217.803.295 đồng; Lãi trên dư nợ gốc: 57.493.148 đồng; Lãi chậm trả lãi: 5.751.275 đồng; Lãi trên dư nợ gốc quá hạn: 5.178.197; Tổng cộng: 286.225.915 đồng.

Trong trường hợp ông Nguyễn Văn E và bà Lê Thị Thu W không trả được khoản nợ theo Hợp đồng cho vay kiêm kê ước nhận nợ số 021/17/HĐCV/9341 ngày 24/7/2017 nêu trên thì Ngân hàng TMCP D có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp sau để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng: 01 xe ô tô con nhãn hiệu Cheverolet Spark; Số chỗ: 05 chỗ, màu sơn: trắng, sản xuất tại Việt Nam năm 2017; Số khung: **RLLMF48DJHH945824**; Số máy: **B12D1Z1170666HLSX0096**; BKS: **30E-754.20**; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 324394 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 17/7/2017; Tên chủ xe: Nguyễn Văn E, xác lập thế chấp tại Ngân hàng TMCP D – Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 021/17/HĐTC/9341 ngày 24/07/2017 và Phụ lục bổ sung HĐTC xe ô tô ngày 25/07/2017 (Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 24/7/2017 tại hệ thống đăng ký trực tuyến, Cục đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm – Bộ Tư pháp) để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP D; Về án phí: Đề nghị áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

#### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1]. Về thẩm quyền theo lãnh thổ: Căn cứ vào khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thẩm quyền theo lãnh thổ là Tòa án nơi bị đơn cư trú. Căn cứ vào hồ sơ tín dụng, hồ sơ khởi kiện ông Nguyễn Văn E và bà Lê Thị Thu W có Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại thôn Y, xã N, huyện L, Thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý giải quyết vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng thẩm quyền.

[2]. Về thẩm quyền cấp Tòa án và loại việc: Căn cứ vào Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp huyện có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự gồm Tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự, vụ án này các bên đang tranh chấp Hợp đồng tín dụng vay để mua đất ở và nhà ở, một bên không có mục đích lợi nhuận, do vậy Tòa án L thụ lý vụ án giải quyết là đúng thẩm quyền loại việc và cấp Tòa án.

[3]. Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử bị đơn đến tòa 01 lần trình bày và không đến Tòa án làm việc nữa mà không có

lý do chính đáng dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Giấy triệu tập tham gia xem xét thẩm định tại chỗ; Thông báo về việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “Bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt lần thứ hai mà không có người đại diện tham gia phiên tòa thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ”, do vậy việc Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung, xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn E và bà Lê Thị Thu W là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về tư cách của người khởi kiện: Xét hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 021/17/HĐCV/9341 ký ngày 24/07/2017 và hợp đồng thế chấp số 021/17/HĐTC/9341 ngày 24/7/2017 và Phụ lục bổ sung HĐTC ô tô ngày 25/07/2017 ký giữa Ngân hàng TMCP D và ông Nguyễn Văn E, bà Lê Thị Thu W đúng trình tự, đúng thẩm quyền và đảm bảo tư cách của người khởi kiện.

*-Về nội dung vụ án:*

[5]. Xét hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 021/17/HĐCV/9341 ký ngày 24/07/2017 giữa Ngân hàng TMCP D - Chi nhánh Hà Nội và ông Nguyễn Văn E, bà Lê Thị Thu W: Về hình thức của hợp đồng đã được giao kết bằng văn bản là phù hợp quy định của Bộ luật dân sự năm 2015; Về nội dung của hợp đồng: Phía Ngân hàng TMCP D và ông E, bà W đã thỏa thuận và tự nguyện ký kết, đồng ý với các điều khoản của Hợp đồng, mặc dù tại Tòa án ông E, bà W không có văn bản thể hiện việc họ thỏa thuận có tự nguyện hay không, tuy nhiên cũng không có văn bản phản đối; Hình thức và nội dung Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 021/17/HĐCV/9341 ký ngày 24/07/2017 là đúng quy định của pháp luật nên hợp đồng tín dụng này có hiệu lực pháp luật, buộc các bên phải thi hành, đủ cơ sở buộc ông E, bà W phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP D toàn bộ nợ gốc 217.803.295 đồng.

[6]. Xét về yêu cầu trả nợ lãi: Xét sự thỏa thuận về mức lãi suất vay trong hạn và mức lãi suất quá hạn của các bên là phù hợp với quy định tại Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, phù hợp với khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Để chứng minh cho yêu cầu của mình, Ngân hàng NCB đã cung cấp bản tính lãi, mức lãi suất phù hợp với các quyết định tăng giảm lãi suất của Ngân hàng NCB qua các thời kỳ, do vậy số tiền lãi trên nợ gốc chưa thi hành tính đến ngày 25/12/2020 mà ông E, bà W phải trả cho Ngân hàng NCB là: Lãi trên dư nợ gốc: 57.493.148 đồng; Lãi chậm trả lãi: 5.751.275 đồng; Lãi trên dư nợ gốc quá hạn: 5.178.197 là có căn cứ được chấp nhận.

Từ những phân tích và đánh giá trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Văn E và bà Lê Thị Thu W

phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền nợ gốc, tiền nợ lãi trên dư nợ gốc, lãi chậm trả lãi, lãi trên nợ gốc quá hạn cho nguyên đơn là Ngân hàng TMCP D tạm tính đến ngày 25/12/2020 là: Nợ gốc 217.803.295 đồng; Lãi trên dư nợ gốc: 57.493.148 đồng; Lãi chậm trả lãi: 5.751.275 đồng; Lãi trên dư nợ gốc quá hạn: 5.178.197; Tổng cộng: 286.225.915 đồng.

[7]. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Theo Án lệ số: 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số: 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2013 và được công bố theo Quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao thì: “Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi trên dư nợ gốc, lãi chậm trả lãi, lãi trên dư nợ gốc quá hạn mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”. Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Án lệ số: 08/2016/AL ngày 17/10/2016 Tòa án nhân dân Tối cao để xác định nghĩa vụ chậm thi hành án là có căn cứ và phù hợp với pháp luật.

[8]. Xét hợp đồng thế chấp hợp đồng thế chấp ô tô và phụ lục bổ sung hợp đồng thế chấp để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 021/17/HĐCV/9341 ký ngày 24/07/2017 giữa Ngân hàng NCB - Chi nhánh Hà Nội với ông Nguyễn Văn E và bà Lê Thị Thu W. Về nội dung của hợp đồng thế chấp, ông E và bà W đã thế chấp xe ô tô BKS: **30E-754.20** mang tên ông E để đảm bảo cho khoản vay 280.000.000 đồng theo hợp đồng thế chấp ô tô số 021/17/HĐTC/9341 ngày 24/07/2017 và Phụ lục bổ sung HĐTC ô tô ngày 25/07/2017. Hợp đồng thế chấp này và Phụ lục bổ sung HĐTC ô tô đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi và các phải trả là đúng với phạm vi thế chấp quy định tại Điều 317, 320 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[9]. Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: 01 xe ô tô con nhãn hiệu Cheverolet Spark; Số chỗ: 05 chỗ, màu sơn: trắng, sản xuất tại Việt Nam năm 2017; Số khung: **RLLMF48DJHH945824**; Số máy:

**B12D1Z1170666HLSX0096; BKS: 30E-754.20;** Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 324394 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 17/7/2017; Tên chủ xe: Nguyễn Văn E, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đây là tài sản bảo đảm cho khoản vay của bị đơn tại hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 021/17/HĐCV/9341 ký ngày 24/07/2017. Giữa nguyên đơn và bị đơn ký hợp đồng thế chấp số 021/17/HĐTC/9341 ngày 24/7/2017, đăng ký giao dịch bảo đảm cùng ngày tại hệ thống đăng ký trực tuyến, Cục đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm – Bộ Tư pháp. Việc ký kết hợp đồng thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 323, Điều 342 và Điều 343 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của chính phủ về giao dịch bảo đảm (Sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012).

Tòa án đã ra Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ đối với chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Cheverolet Spark; Số chỗ: 05 chỗ, màu sơn: trắng, sản xuất tại Việt Nam năm 2017; Số khung: **RLLMF48DJHH945824;** Số máy: **B12D1Z1170666HLSX0096; BKS: 30E-754.20;** Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 324394 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 17/7/2017; Tên chủ xe: Nguyễn Văn E và 02 lần triệu tập bị đơn mang xe ô tô đến xem xét thẩm định tại chỗ nhưng bị đơn vắng mặt. Do đó, không có tài sản thế chấp để xem xét thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn khai, hiện Ngân hàng NCB đang giữ bản chính đăng ký xe ô tô, không có thông tin hay khiếu nại về việc xe ô tô đã chuyển giao cho người thứ 3.

Theo yêu cầu xác minh của Nguyên đơn, Tòa án đã gửi công văn cho Cục Đăng Kiểm Việt Nam và Phòng CSGT – CATPHN. Cục Đăng Kiểm Việt Nam có công văn số 1482/ĐKVN-VAR ngày 20/5/2020 của Cục Đăng Kiểm Việt Nam thông báo hiện chiếc xe ô tô BKS: **30E-754.20** đăng kiểm gần nhất ngày 15/01/2020; Phòng CSGT – CATPHN có phiếu trả lời xác minh ngày 25/5/2020 thể hiện: Chủ xe: Ông Nguyễn Văn E.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cũng đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của nguyên đơn trong trường hợp bị đơn không trả nợ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của nguyên đơn. Trong trường hợp ông Nguyễn Văn E và bà Lê Thị Thu W không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 021/17/HĐCV/9341 ngày 24/7/2017 nêu trên thì Ngân hàng TMCP D có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp sau để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng: 01 xe ô tô con nhãn hiệu Cheverolet Spark; Số chỗ: 05 chỗ,

màu sơn: trắng, sản xuất tại Việt Nam năm 2017; Số khung: **RLLMF48DJHH945824**; Số máy: **B12D1Z1170666HLSX0096**; BKS: **30E-754.20**; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 324394 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 17/7/2017; Tên chủ xe: Nguyễn Văn E

[10]. Xét quan điểm và ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa là phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[11]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP D được chấp nhận nên ông E, bà W phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 là 14.311.296 đồng, hoàn trả Ngân hàng NCB 6.035.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L theo biên lai thu số AA/2010/00005112 ngày 27/2/2020.

[12]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 26, 35, khoản 2 Điều 39, các Điều 147, 227, 235, 266, 269, 271, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 116, 117, 119, 274, 275, 278, 280, 281, 317, 323, 327 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của chính phủ về giao dịch đảm bảo (Sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012);

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL, được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:



1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP D đối với ông Nguyễn Văn E và bà Lê Thị Thu W.

2. Buộc ông Nguyễn Văn E và bà Lê Thị Thu W phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP D theo Hợp đồng cho vay kiêm kê ước nhận nợ số 021/17/HĐCV/9341 ngày 24/7/2017 tạm tính đến ngày 25/12/2020 là: Nợ gốc 217.803.295 đồng; Lãi trên dư nợ gốc: 57.493.148 đồng; Lãi chậm trả lãi: 5.751.275 đồng; Lãi trên dự nợ gốc quá hạn: 5.178.197; Tổng cộng: 286.225.915 đồng.

Kể từ ngày 26/12/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và kê ước nhận nợ kèm theo.

3. Trong trường hợp ông Nguyễn Văn E và bà Lê Thị Thu W không trả được khoản nợ theo Hợp đồng cho vay kiêm kê ước nhận nợ số 021/17/HĐCV/9341 ngày 24/7/2017 nêu trên thì Ngân hàng TMCP D có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp sau để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng: 01 xe ô tô con nhãn hiệu Cheverolet Spark; Số chỗ: 05 chỗ; màu sơn: trắng, sản xuất tại Việt Nam năm 2017; Số khung: **RLLMF48DJHH945824**; Số máy: **B12D1Z1170666HLSX0096**; BKS: **30E-754.20**; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 324394 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 17/7/2017; Tên chủ xe: Nguyễn Văn E, xác lập thế chấp tại Ngân hàng TMCP D – Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 021/17/HĐTC/9341 ngày 24/07/2017 và Phụ lục bổ sung HĐTC xe ô tô ngày 25/07/2017 (Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 24/7/2017 tại hệ thống đăng ký trực tuyến, Cục đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm – Bộ Tư pháp) để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP D.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn E và bà Lê Thị Thu W phải chịu 14.311.296 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP D 6.035.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm Ngân hàng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L biên lai số AA/2010/00005112 ngày 27/2/2020.

4. Quyền yêu cầu thi hành án dân sự:

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Văn E và bà Lê Thị Thu W có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND h. L;
- Chi cục THADS h. L;
- TANDTP. Hà Nội;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**ĐOÀN THÀNH NAM**